

Quá trình phát triển của thư viện trường phổ thông ở Việt Nam sau Đổi Mới và xu hướng chuyển đổi số hiện nay

Nguyễn Thị Ngọc Thảo*

*TS. Khoa Thông tin – Thư viện,

Trường Đại học KHXH và NV, ĐHQG HN

Received: 18/7/2024; Accepted: 28/7/2024; Published: 14/8/2024

Abstract: The formation and development of high school libraries is closely linked to the development of education in Vietnam. Using the method of synthesizing and analyzing documents, the author generalizes the transformation process of Vietnamese libraries after Doi Moi (1986) from overcoming difficulties in the early years of unification to consolidating, developing, innovating, expansion, integration and strong digital transformation. From there, the author affirms the role of high school libraries in educating and training students in the new era.

Keywords: High school library, Doi moi, digital transformation

1. Đặt vấn đề

Sau khi đất nước giành được Độc lập năm 1945, hệ thống giáo dục (GD) Việt Nam được chú trọng xây dựng và phát triển. Đặc biệt, sau khi hệ thống GD phổ thông (GDPT) được thành lập và hoàn thiện vào những năm 1950-1960, hầu hết các trường phổ thông đều đã xây dựng được tủ sách trường học, các thư viện trường phổ thông (TVTPT) bắt đầu được thiết lập rộng rãi nhằm phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của HS và GV. Năm 1961, BCHTW Đảng chỉ rõ “cần có kế hoạch củng cố, phát triển mạng lưới thư viện, tủ sách phòng đọc ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, hợp tác xã, bệnh viện, trường học...” (Chi thị 8/CT-TW, 1961). Những năm sau đó, đặc biệt là trong thời kỳ Đổi mới từ năm 1986 trở đi, hệ thống thư viện (HTTV) trường phổ thông tiếp tục được củng cố và phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng GDPT trên cả nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tình hình TVTPT trước Đổi mới

Sau năm 1975, đất nước ta hoàn toàn thống nhất, cả nước ta tiến hành hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế và xây dựng đất nước. Giai đoạn này đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử Việt Nam đồng thời ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều lĩnh vực bao gồm cả GD và HTTV. Trong 10 năm đầu xây dựng CNXH trên cả nước, do kinh tế vẫn theo cơ chế bao cấp, ngành GD Việt Nam gặp nhiều khó khăn như thiếu giấy in và HS không có đủ sách giáo khoa để học tập. Để vượt qua trở ngại đó, nhân dân và ngành GD đã đồng lòng, phấn đấu khắc phục khó khăn từng bước phát triển. HTTV trường học cùng hòa chung

với những nỗ lực của cả dân tộc, đã đưa ra giải pháp cụ thể để giải quyết việc thiếu tài liệu học tập như phát động và duy trì phong trào xây dựng tủ sách trường học. Nhiều nơi đã xây dựng các TVTH với số lượng 3000 đến 5000 cuốn (Dương Bích Hồng, 1999, tr.215). Để đẩy mạnh hơn nữa những hoạt động, chính phủ đã đưa ra những quy định về việc tổ chức thư viện tại các trường phổ thông, năm 1976, Thủ tướng chính phủ ra quyết định “Về việc tổ chức tủ sách giáo khoa dùng chung cho HS các trường phổ thông và bổ túc văn hóa tập trung” (Quyết định 41-TTg). Theo đó, những khó khăn của TVTH đã phần nào giải quyết.

Trong bối cảnh nhiều thách thức, nền GD Việt Nam cần thay đổi để thích ứng, chính vì vậy tháng 1/1979, Bộ Chính trị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết về cải cách GD bắt đầu từ GDPT. Song song với bồi dưỡng GV cần từng bước cải cách sư phạm (Bộ GD&ĐT, 2016). Với chỉ đạo đường lối của Đảng, ngành GD đã có những cải tổ đáng kể, môi trường sư phạm có nhiều đổi thay tích cực. Đồng hành với sự nghiệp GD, HTTV trường học đã bước đầu vượt qua khó khăn. Theo thống kê của Cục xuất bản GD, năm 1981, toàn quốc có 12.000 TVTH (100% số trường có thư viện). Tuy nhiên, với những thiếu thốn về nguồn tài chính hiện tồn nên từ năm 1981, kinh phí dành cho thư viện giảm dần, đến năm 1985 số lượng TVTH trong cả nước chỉ còn 6.543 thư viện (Dương Bích Hồng, 1999, tr.215). Nhìn chung, TVTPT trước Đổi mới CSVC còn khá nghèo nàn, nguồn tài liệu hạn chế, nhân lực còn ít và chưa được đào tạo chuyên sâu. Tình hình này đặt ra yêu cầu phát triển GD và HTTV trường phổ thông để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của HS và GV.

2.2. TVTPT củng cố và phát triển (1986-2000)

Đất nước ta vừa trải qua một cuộc chiến tranh dài và tàn khốc nên nhiệm vụ chính là khắc phục hậu quả chiến tranh và ổn định tình hình chính trị - xã hội và phát triển kinh tế. Để đặt nền móng cho công cuộc Đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp từ ngày 15-18/12/1986 đã đưa ra đường lối đổi mới với “mục tiêu tổng quát là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường tiếp theo” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2006, tr.47).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), tiến hành đổi mới toàn diện, đồng bộ, thì GD, khoa học và văn hóa đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển quốc gia. Tuy nhiên, một thực tế trong những năm 1985-1986 tình hình kinh tế suy thoái, ngân sách dành cho GD và thư viện bị cắt giảm, thậm chí năm 1987-1988 ngành GD lâm vào tình trạng yếu kém về nhiều mặt. Quy mô GD giảm sút, đặc biệt là ở bậc học mầm non, cấp II, cấp III. Theo thống kê của Bộ giáo dục, số trẻ em bỏ học và thất học ở giai đoạn này vào khoảng 2,1-2,3 triệu em. Tỷ lệ bỏ học giữa chừng chiếm 12-13%. Số người ở độ tuổi 15-35 thất học là 2 triệu người. Mù chữ và thất học ở miền núi chiếm 40%, vùng sâu vùng xa, vùng Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 33%. (Nguyễn Thị Phương Chi, 2020)

Đứng trước tình hình đó, việc đầu tư khôi phục, củng cố GD là mục tiêu ưu tiên. Chính vì vậy, việc đầu tư cho GD đồng thời việc cải thiện về trang thiết bị, tài liệu học tập ngày càng được quan tâm hơn: Đến năm 1990, theo Thông tư Liên bộ Tài chính – GD đào tạo số 30/TT-LB, hằng năm chỉ 8-9% ngân sách cho sự nghiệp GD được dùng để mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học, sách giáo khoa và thiết bị cho TVTH (Bộ GD&ĐT, Bộ tài chính, 1990). Cũng trong năm 1990, Bộ GD&ĐT đã ra quyết định số 659/QĐ-NXB GD ban hành quy chế mới về “Tiêu chuẩn TVTH”. Nhà nước ban hành chính sách đổi mới việc phát hành sách, báo, phim ảnh cho thiếu nhi (Quyết định 21/TTg ngày 16/1/1993). Với chính sách đó tạo sự chuyển biến trong GD và cải thiện điều kiện học tập và giảng dạy của HS và GV. Việc tăng cường đầu tư vào tổ chức và hoạt động thư viện cùng với tiêu chuẩn mới về TVTH đã thúc đẩy sự phục hồi và phát triển của các TVTPT trên toàn quốc. Trong hai năm 1994-1995, các TVTH cơ sở cấp I và II ở các vùng dân tộc, miền núi, biên giới, và hải đảo đã được hỗ trợ sách từ Nhà nước (Quyết định 21/TTg). Năm 1994 có 10.400

TVTH được cấp trên 2 triệu bản sách, năm 1998 được cấp 3 triệu bản sách trị giá số sách được cấp mỗi năm trên dưới 8 tỷ đồng. Với những nỗ lực của ngành GD và cũng như sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Đảng và Nhà nước tình hình GD được nâng cao, HTTV trường phổ thông từng bước được khôi phục, mở rộng quy mô và số lượng. Năm 1997 trên cả nước đã có tới 15.000 TVTH (chiếm tới 70% số trường học) (Dương Bích Hồng, 1999, tr.216). Kết quả này là công sức lớn của ngành GD trong đó có HTTV nhưng vẫn chưa thỏa mãn được nhu cầu của GV và HS.

Mặt khác, HTTV trường phổ thông được cải tiến khoa học hơn về tổ chức và hoạt động. Năm 1998, Bộ GD và Đào tạo đã ra Quyết định về tổ chức và hoạt động TVTPT (QĐ số 61/1998/QĐ-BGD&ĐT ngày 6/11/1998). Đặc biệt, ngày 28/12/2000, UBTV Quốc hội đã đưa ra Pháp lệnh thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 điều chỉnh tổ chức và hoạt động của thư viện. Đây là một sự thay đổi mang tính đột phá tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về thư viện nói chung và TVTPT nói riêng. Theo đó, TVTPT đã có quy định rõ ràng, làm thay đổi khâu quản lý và triển khai các hoạt động thư viện. Việc áp dụng các phương pháp quản lý mới, cập nhật các kỹ thuật phục vụ mới, đồng thời cũng đổi mới trong cách thức cung cấp dịch vụ đã được tiến hành tích cực trong thư viện. Về tổ chức hoạt động, ngoài việc cho mượn sách giáo khoa phục vụ giảng dạy, các TVTH thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền hướng dẫn đọc sách trong GV và HS. Một số thư viện đã biên soạn thư mục phục vụ chương trình học tập cho HS.

Để nâng cao chất lượng của HTTV trường phổ thông, thì hành động khắc phục việc thiếu nhân lực và thiếu chuyên môn sâu về ngành của cán bộ thư viện là việc cấp bách. Bộ GD đã thông qua các cơ quan chuyên trách để tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, từ sơ cấp, trung cấp đến các lớp đại học tại chức, dành cho GV cấp III phụ trách công tác thư viện trong các trường học. HTTV phát triển từ những tủ sách nhỏ trong trường, đã đóng góp đáng kể vào việc nâng cao chất lượng GDPT trên khắp cả nước (Dương Bích Hồng, 1999, tr.217). Sau 15 năm Đổi mới, đến năm 2000, cả nước có 15.228 thư viện/20.086 trường học (chiếm 76% số trường học) với 13.545 cán bộ thư viện nhưng phần lớn là kiêm nhiệm, vốn tài liệu chưa đáp ứng được yêu cầu của GV và HS (Lê Văn Viết, 2010, tr.152). Với những vấn đề hiện tồn này đặt ra một nhiệm vụ lớn cho GD và HTTV trong giai đoạn mới.

2.3. TVTPT đổi mới và mở rộng (2001-2010)

Tổng kết thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội 1991-2000 của Đảng có khẳng định: “trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động trong xã hội được nâng lên đáng kể. Đã hoàn thành mục tiêu xoá mù chữ và phổ cập GDTH trong cả nước; bắt đầu phổ cập THCS ở một số thành phố, tỉnh đồng bằng” (Báo cáo của BCHTW Đảng khoá VIII tại ĐH lần thứ IX). Trải qua 15 năm Đổi mới, hệ thống GD đã mở rộng về quy mô, đa dạng hóa các hình thức GD và CSVC cho nhà trường đã được nâng cấp. Tuy nhiên, thực trạng GD-ĐT vẫn còn yếu về chất lượng và chưa gắn với thực tiễn. Đặc biệt, đầu thế kỷ XXI là thời kỳ bùng nổ của công nghệ thông tin (CNTT) và Internet. Khoa học và công nghệ có những bước phát triển nhảy vọt, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tri thức làm biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có GD. Đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt “Chiến lược phát triển GD 2001-2010” với mục tiêu tạo chuyển biến về chất lượng GD tiệm cận với trình độ tiến tiến trên thế giới, chú trọng đào tạo nhân lực đặc biệt là nhân lực KHCN trình độ cao (201/2001/QĐ-TTg).

Trong bối cảnh mới, với tư cách là một trung tâm thông tin trong trường phổ thông, thư viện bước vào quá trình khởi động các dự án xây dựng thư viện điện tử, tạo cơ sở dữ liệu trực tuyến và cung cấp tài liệu số. Bên cạnh đó, TVTPT dần ứng dụng CNTT trong quản lý và phục vụ người dùng tin. Mặt khác, áp dụng phần mềm quản lý thư viện tích hợp (ILMS) để tự động hóa quy trình mượn trả, quản lý tài liệu và theo dõi hoạt động của thư viện ngày càng được mở rộng. Với những động thái tích cực đó góp phần nâng cao hơn trình độ làm chủ thông tin, tri thức của HS và GV tại trường phổ thông. TVTPT bắt nhịp với xu thế cải cách GD và công nghệ, thực hiện chuyển đổi từ thư viện truyền thống sang thư viện số giúp cung cấp truy cập tài liệu nhanh chóng và thuận tiện từ mọi nơi. HTTV trường phổ thông ngày càng được mở rộng thêm ở các vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, đồng thời cải thiện CSVC và chất lượng phục vụ. Bên cạnh đó, TVTPT khẳng định vị trí trở thành trung tâm hỗ trợ học tập, nghiên cứu và giảng dạy, cung cấp tài liệu phong phú và đa dạng, đáp ứng nhu cầu GD và nghiên cứu ngày càng cao của HS và GV.

Để cải thiện hơn về tổ chức - hoạt động của thư viện và tăng hiệu quả quản lý, Bộ GD và ĐT đã ban hành Quy định về 5 tiêu chuẩn TVTPT (QĐ số 01/2003/

QĐ-BGD&ĐT ngày 2/1/2003). Công tác đạo tạo, nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ thư viện cũng được Bộ quan tâm bằng quyết định về chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ TVTPT (QĐ số 49/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/10/2003). Tuy nhiên, TVTPT vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn như: sự thiếu hụt nguồn lực đầu tư và phát triển CSVC của TVTH hay sự thích ứng chậm với sự phát triển nhanh chóng của CNTT.

2.4. TVTPT hội nhập và chuyển đổi số (2011-nay)

Sau 25 năm Đổi mới, Cả nước đã hoàn thành mục tiêu xoá mù chữ và phổ cập GD THCS vào năm 2010; củng cố và nâng cao kết quả xoá mù chữ cho người lớn. Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả GD và đào tạo còn thấp so với yêu cầu. Đặc biệt là từ năm 2011 đến nay, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trở thành một xu thế chủ đạo tác động ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều mặt của đời sống xã hội nhất là đào tạo nguồn nhân lực. Đứng trước tình hình, GD Việt Nam thực hiện các cuộc cải cách một cách đột phá và quyết liệt về đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo (NQ số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013). Theo đó, chương trình GDPT 2018 đã được ban hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất theo những yêu cầu cần đạt ở từng môn học, cấp học (Chương trình GDPT, Chương trình tổng thể, 2018). Cùng với đổi thay của ngành GD đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, thư viện, một thiết chế văn hóa, trung tâm cung cấp và phổ biến tri thức, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và sáng tạo của xã hội cũng cần phải có những thay đổi để thích ứng với điều kiện mới.

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ TVTPT hướng tới chuẩn quốc tế, thư viện các trường phổ thông tiếp cận với hướng dẫn của Liên đoàn quốc tế các hội và cơ quan thư viện (IFLA) về công tác thư viện trường (Cẩm nang IFLA hướng dẫn TVTH, 2015). Mặt khác, Luật thư viện đã được Quốc hội ban hành quy định rõ về quá trình thành lập, hoạt động của thư viện, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thư viện; quản lý nhà nước về thư viện (Luật Thư viện 46/2019/QH14). Hơn nữa, trong bối cảnh CDS đang diễn ra mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực, Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Chương trình CDS ngành thư viện đến năm 2025, định hướng năm 2030” nhằm ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số vào hoạt động thư viện và góp phần hình thành mạng lưới thư viện hiện đại. (QĐ 206/QĐ-TTg).

(Xem tiếp trang 33)